



DOI:10.22144/ctujos.2025.130

“CÁI TÔI” NỮ TÍNH TRONG THƠ NỮ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG SAU NĂM 2000

Võ Minh Nghĩa¹ và Phạm Khánh Duy^{2*}

¹Nghiên cứu sinh Trường Đại học Văn Hiến, Việt Nam

²Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): pkduy@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 13/12/2024

Sửa bài (Revised): 21/01/2025

Duyệt đăng (Accepted): 24/04/2025

Title: The feminine ego in women's poetry in the Mekong Delta after 2000 seen from artistic language

Author: Vo Minh Nghia¹ and Pham Khanh Duy^{2*}

Affiliation(s): ¹PhD candidate at Van Hien, Viet Nam; ²Can Tho University, Viet Nam

TÓM TẮT

Thơ nữ vốn là một mảnh ghép quan trọng hình thành nên diện mạo của văn chương vùng đồng bằng sông Cửu Long. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, nền văn học dân tộc đã ghi nhận sự đóng góp của nhiều cây bút nữ, trong đó có những cây bút được sinh ra và lớn lên hoặc gắn bó sâu đậm với vùng đồng bằng sông nước. Thơ của họ vừa truyền thống, vừa hiện đại, vừa đậm chất văn hoá vùng châu thổ Mekong, vừa mang tính cách tân, táo bạo. “Cái tôi” nữ tính trong thơ nữ đồng bằng sông Cửu Long được nghiên cứu trong bài báo, đó là “cái tôi” yêu thiên nhiên, con người, cái tôi nồng cháy trong tình yêu lứa đôi và phập phồng những khao khát tính dục rất người. Bằng những phương pháp nghiên cứu như: thống kê - phân loại, so sánh, phân tích - tổng hợp, bình luận - bình giảng văn học, bài viết góp phần phát lộ “cái tôi” nữ giới qua các tín hiệu ngôn ngữ đặc trưng.

Từ khóa: Cái tôi, ngôn ngữ nghệ thuật, nữ tính, phân tâm học, thơ nữ, văn học đồng bằng sông Cửu Long

ABSTRACT

Female poetry is an important piece that forms the appearance of literature in the Mekong Delta. From the beginning of the 21st century to the present, national literature has recognized the contributions of many female writers, including those who were born and raised or are deeply attached to the river delta. Their poetry is both traditional and modern, imbued with the culture of the Mekong Delta, and innovative and daring. The feminine “ego” in female poetry in the Mekong Delta from the perspective of artistic language was studied, which is the “ego” that loves nature and people, the “ego” that is passionate in love between couples and fluttering with very human sexual desires. Through research methods such as statistics - classification, comparison, analysis - synthesis, literary commentary - explanation, the article contributes to revealing the feminine “ego” through characteristic linguistic signals.

Keywords: Artistic language, ego, femininity, female poetry, Mekong Delta literature, psychoanalysis

1. GIỚI THIỆU

Từ lâu, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được biết đến là một vùng đất phù sa màu mỡ với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Những đặc trưng về thiên nhiên và phẩm chất cần cù, chịu thương chịu khó, trọng nghĩa trọng tình của con người nơi đây đã tạo điều kiện cho sự hình thành vựa lúa lớn nhất cả nước, một vùng văn hoá sông nước và một miền văn hoá nghệ thuật độc đáo, thú vị. Trong đó, văn chương ĐBSCL được xem là “mảnh ghép” quan trọng của nền văn học dân tộc. Khởi đầu là kho tàng ca dao, tục ngữ, thành ngữ, truyện kể dân gian,... ghi lại quá trình khai mở để hình thành vùng đất mới. Từ năm 2000 đến nay, văn học ĐBSCL phát triển với tốc độ mau lẹ, khẩn trương, nhịp bước cùng sự phát triển của văn học đương đại Việt Nam.

Làm nên thành công của thơ ca Việt Nam từ năm 2000 đến nay, không thể không kể đến sự góp mặt của các nhà thơ nữ đồng bằng. Với chặng đường hơn 20 năm, nền văn học đã chứng kiến sự xuất hiện của đội ngũ nhà thơ nữ hùng hậu, sung sức, tiêu biểu là Trúc Linh Lan, Kim Quyên, Vũ Thiên Kiều, Nguyễn Thị Diệp Mai, Đinh Thị Thu Vân, Song Hào, Lê Thanh My, Huỳnh Ngọc Yến, Huỳnh Thuý Kiều, Thu Nguyệt, Nguyễn Ngọc Tuyết, Trâm Nguyên Ý Anh, Huệ Thi, Phạm Thị Mỹ Thuận, Trang Thuý Lê,... Mỗi cây bút nữ chính là “một hạt phù sa lấp lánh” đã hình thành nên dòng thơ nữ khoẻ khoắn, hoà nhập với tiến trình phát triển của văn học Việt. Sáng tác của các nhà thơ nữ thường xoay quanh vấn đề tình yêu đất và người vùng sông nước Tây Nam Bộ, tình yêu lứa đôi, những giá trị văn hoá Nam Bộ được lưu giữ qua nhiều thế hệ, thức thời trước những biến động mới của đất nước,... Từ việc bộc lộ cảm xúc cá nhân, các cây bút nữ ĐBSCL đã dần mở rộng “biên độ” của tác phẩm, quan tâm phản ánh những vấn đề lớn lao hơn. Đó là bước trưởng thành của thơ nữ đồng bằng cũng là những nỗ lực đáng ghi nhận của từng cây bút nữ.

Những năm gần đây, thơ nữ ĐBSCL đã khẳng định được vị trí trên thi đàn dân tộc, sánh vai cùng thơ nữ ở nhiều vùng miền khác nhau trên khắp đất nước. Vấn đề “cái tôi” nữ tính trong thơ nữ đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2000 đến nay được khảo sát trong bài báo, góp phần làm rõ hơn diện mạo của thơ nữ vùng sông nước Nam Bộ trong bối cảnh văn học đương đại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài báo này, tác phẩm (thơ) của các cây bút nữ đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2000 đến

nay được thống kê và phân loại theo các tiêu chí mà bài báo xác lập, đánh giá những khía cạnh khác nhau của “cái tôi” nữ giới trong thơ của các cây bút nữ vùng ĐBSCL, đồng thời đối sánh thơ nữ ở ĐBSCL với thơ nữ ở nhiều vùng miền khác trên khắp đất nước. Trong quá trình nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng kết hợp như: phương pháp thống kê - phân loại, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp so sánh. Ngoài những phương pháp trên, phương pháp bình luận, bình giảng, phân tích văn học cũng được sử dụng thêm. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng linh hoạt, kết hợp chặt chẽ với nhau để làm rõ “cái tôi” nữ tính trong thơ nữ ĐBSCL từ năm 2000 đến nay.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quan niệm về “cái tôi” và “cái tôi nữ tính”

“Cái tôi” trong quan niệm của các nhà lý luận văn học là một phạm trù rộng. Nó thuộc về quá trình tiếp nhận văn bản văn học qua hai góc độ: một là của người sáng tác và một là của người tiếp nhận. Nhà lý luận Viên Mai (Trung Quốc) từng nhận định về cái tôi trong *Tuỳ viên thi thoại* rằng: “*Bất kì tác phẩm nào cũng phải chứa đựng “cái tôi” của người sáng tác trong mọi hoàn cảnh*” (Viên, 2002, p.186). Có thể thấy, Viên Mai khẳng định sự xuất hiện của “cái tôi” là một điều tất yếu trong tác phẩm văn chương nghệ thuật. Bởi lẽ, mỗi tác phẩm nghệ thuật, trước hết, là tiếng nói, cảm xúc của cá nhân người sáng tác (“cái tôi”). Nhà nghiên cứu Phương (2003) cho rằng: “*Cái tôi” của mỗi nhà văn thể hiện quan niệm về cái đẹp, cách nhìn, cách cảm của nhà văn về cuộc đời, con người và phong cách xác lập các nghệ thuật đặc trưng*” (Phương, 2003, p.95). Với Phương Lựu, qua lăng kính của “cái tôi” người nghệ sĩ, ta có thể thấy được hiện thực cuộc sống và con người, cá thái độ, tâm trạng, cảm xúc và cách đánh giá của người cầm bút trước những gì được phản ánh. Nói cách khác, “cái tôi” thể hiện đậm nét thể giới quan của người nghệ sĩ. Với các quan niệm về “cái tôi” khi sáng tác, mỗi tác phẩm nghệ thuật ẩn chứa trong đó là những cảm nhận và tri thức mà nhà văn đã thu nhận được trong quá trình sống và sáng tạo nghệ thuật. Mang phong cách đặc trưng cho từng tác giả, tác phẩm văn học với “cái tôi” riêng đã tạo nên dấu ấn không thể nào phai trong lòng người tiếp nhận. Đọc văn bản văn học, người đọc phải gián tiếp mượn lấy đôi mắt của tác giả, góc nhìn của tác giả để nhìn những sự việc của cuộc đời này. Nếu chấp nhận và thấu cảm được nó, “cái tôi” trữ tình của tác giả sẽ cộng hưởng cùng “cái tôi” cá tính của độc giả. Quá trình này gọi là tiếp nhận văn bản văn học thành

công, nếu ngược lại, có sự xung đột hay phản kháng thì người đọc sẽ lựa chọn một tác phẩm khác để đáp ứng được “cái tôi” của mình.

Như vậy, dưới góc nhìn của lý luận tiếp nhận văn học, “cái tôi” là một khái niệm mang tính hai chiều khi mà cả độc giả và tác giả đều phải có sự tương thích trong quá trình tìm đến nhau. Nói cách khác, “cái tôi” trong tác phẩm văn học là một quá trình tiếp nhận và sáng tác mang tính liên tục không ngừng trong suốt chiều dài của văn học. “Cái tôi” ở mỗi thời kỳ sáng tác cũng tạo ra nhiều loại phong cách cho văn học, từ phong cách trường phái cho đến phong cách thời đại.

3.2. Sự thể hiện cái tôi nữ tính trong thơ nữ ĐBSCL từ sau năm 2000

Vẻ đẹp của người con gái Nam Bộ xưa nay đều được đánh giá là mặn mà, nét na, chân chất. Đó là sự đầm thắm gắn liền với vùng đất Cửu Long hiền hòa. Trong thơ ca, bằng ngôn từ giản dị, ý nhị và đậm đà bản sắc sông nước, vẻ đẹp nữ tính trong tâm hồn người phụ nữ Nam Bộ được thể hiện trong các phạm trù tình cảm, cảm xúc khác nhau như: tình yêu thiết tha với quê hương, đất nước, con người; tình yêu lứa đôi say đắm, nồng nàn, cả những hờn ghen, đau khổ; lòng thủy chung son sắt,... Thật ra, những nét đẹp đó người phụ nữ Việt Nam sống ở bất kỳ vùng miền nào cũng có. Thế nhưng, dưới ngòi bút của các tác giả nữ đồng bằng, vẻ đẹp nữ tính trong tâm hồn người phụ nữ lại hiện lên chân chất, bình dị, nhẹ nhàng, duyên dáng theo một cách riêng. Chính vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Nam Bộ và bản sắc sông nước đã hun đúc nên vẻ đẹp tâm hồn của họ.

3.2.1. *Cái tôi dạt dào cảm xúc về tình yêu đôi lứa*

Tình yêu là đề tài phổ biến trong thơ ca từ xưa đến nay. Trong thơ nữ đương đại ĐBSCL, tình yêu trở thành nguồn cảm hứng dạt dào thôi thúc các tác giả cầm bút sáng tác. Nói như Ha (2016): “Các nhà thơ nữ đã không ngần ngại bày tỏ khát vọng về hạnh phúc, tình yêu. Đó là những khát vọng thuộc nhu cầu bản năng, là những khát khao tự nhiên, chính đáng, nhân bản và đời thường. Khát vọng ấy thể hiện ở sự chất vấn và tự thú khi yêu”. Bước vào thế giới thơ nữ ĐBSCL từ năm 2000 đến nay, những nhà thơ chọn tình yêu làm đề tài sáng tác được bất gặp không ít. Tình yêu không chỉ là điểm sáng trong thơ của những cây bút nữ trẻ tuổi - độ tuổi đầy khát khao được sống và được yêu, cuồng nhiệt trong tình yêu, không ngại thể hiện cá tính, những vấn đề bản năng, tính dục (Phạm Thị Mỹ Thuận, Huệ Thi, Huỳnh Thuý Kiều, Nguyễn Thị Việt Hà, Dương Trần,

Phong Dương, Nguyễn Kim Hương, Phương Trinh,...) mà còn xuất hiện trong thơ của những cây bút nữ đã đi qua tuổi trẻ nhiệt huyết, sôi nổi (Trúc Linh Lan, Kim Quyên, Đinh Thị Thu Vân, Nguyễn Lập Em, Lê Thanh My, Nguyễn Thị Thuý Vân, Nguyễn Ngọc Tuyết, Mạc Tổ Hồng,...). Vì họ có nhiều trải nghiệm trong cuộc sống lẫn trong tình yêu nên “cái tôi” khát khao yêu đương của họ cũng khác hơn so với “cái tôi” trong thơ những tác giả nữ trẻ tuổi. Đó là độ chín muồi trong cảm xúc, cũng như cách ứng xử trước hạnh phúc lẫn niềm đau trong tình yêu.

Trong nghiên cứu này, một số trường hợp thơ nữ đương đại mà tình yêu trở thành một trong những đề tài chính trong sáng tác của họ được lựa chọn, phân tích. Trong đó, Huệ Thi và Kim Hương là những cây bút nữ trẻ trung, sôi nổi, nhiệt thành trong tình yêu; Mạc Tổ Hồng, Như Uyên và Trúc Linh Lan là những cây bút có tuổi đời, kinh nghiệm sống, trải nghiệm đủ mọi cung bậc xúc cảm trong tình yêu. Với sự lựa chọn đó, “cái tôi” dạt dào cảm xúc trong tình yêu sẽ hiện diện với những sắc thái khác biệt, tạo nên tính đa dạng, phong phú cho thơ tình ĐBSCL đương đại.

Ngôn ngữ của người Tây Nam Bộ bao đời nay nghe ngọt ngào như chính điệu lý câu hò. Trong công trình nghiên cứu của Vương (2012), ông đã khẳng định: “*Cái giọng ngọt lịm của người sông Hậu Giang là say đắm nhất xứ này*” (Vương, 2012, p.75). Chất giọng ngọt ngào ấy được tạo nên từ lớp ngôn ngữ giàu hình ảnh, đó là những hình ảnh thân thuộc gắn liền với miền quê sông nước. Sông Cửu Long đã nuôi dưỡng tâm hồn họ tạo nên cái vị ngọt trong từng cách dùng từ. Trong cuộc sống, trong những gia vị nêm vào các món ăn hay trong chính cách dùng từ gọi nhau của tình yêu, những người phụ nữ phương Nam cũng đều ngọt ngào như thế. “*Tháng ba thẹn thùng đôi tay vẫn mân mê/ Anh đừng nhìn em cháy lòng đến thế/ Mình bên nhau lặng im, sóng trôi như bức vẽ/ Em đợi anh chạm lời mình hò hẹn được không?*” (Mình hò hẹn được không, Huệ Thi). Với tập thơ *Sợi yêu*, nhà thơ Huệ Thi ngọt ngào hơn bao giờ hết khi kết nối tình yêu của mình với trọn vẹn những niềm tin của người con gái không sinh ra ở đất Cần Thơ nhưng chọn Cần Thơ làm quê hương thứ hai, về cõi lòng của người miền sông nước. Một trường từ vựng về những rung động của con tim được tập hợp và được diễn ngôn lại theo cách nũng nịu của người phương Nam. “Cái tôi” yêu đương và nữ tính của Huệ Thi còn là lời sâu thẳm khát tình của người con gái khi yêu: “*Hãy cho em cái nắm tay thật chặt, đắm đuối ngọt ngào/ Cho em bờ vai thật rộng/ Hãy cho em trái tim nồng ấm/ Mỗi*

lần réo rất khi nghĩ về nhau” (Quà Valentine). Khi là “trái tim nồng ấm”, khi là “cái nắm tay thật chặt”, khi là “réo rất” yêu thương, thơ của Huệ Thi đa dạng cung bậc khi được kết tinh bằng những từ ngữ đầy ấp yêu thương. Có thể nói, tập thơ *Sợi yêu* của thi sĩ như chất chứa những lớp ngôn từ “sén” nhưng ngọt ngào, thân quen với người dân miền Tây Nam Bộ. “*Lời nũng nịu giữa mây ngàn gió lộng/ Trong tay em có gì/ anh biết không?/ Là những cánh hoa hồng thơm ngát anh hái trước hiên nhà/ Sương còn đọng hạt ướp nắng môi thơm/ Trong tay em có gì anh đoán xem? Hẳn là chiếc kẹo ngọt mềm/ Em gói lại trao anh mỗi lần đến hẹn*” (Đôi tay em nắm giữ yêu thương, Huệ Thi). Từ ngôn ngữ thơ đến hình ảnh thơ Huệ Thi mang “cái tôi” triu mến ngọt ngào. Độc giả có thể cảm nhận rất rõ những cái nũng nịu, làm duyên, ngây ngô của nụ cười em gái miền Nam. Người con gái miền sông nước khi yêu cũng ngọt vị như dòng sông phù sa. Nơi đây bốn mùa chan hòa, đất đai màu mỡ, sông Hậu, sông Tiền thấm đượm vào “cái tôi” khiến cho chất nữ trong thơ của những người phụ nữ đều ngọt ngào.

“Cái tôi” sôi nổi, nhiệt huyết mà cũng đầy sâu sắc trong tình yêu cũng được thể hiện trong thơ của các tác giả như Dương Trần (Trần Như Ý), Phong Dương, Siêu Thị Chiêu Linh, Kim Hương, Kim Nghi, ... Chẳng hạn Kim Hương - một cây bút nữ sinh ra ở Kiên Giang nhưng lại gắn bó tuổi trẻ và tình yêu của mình với vùng đất Hậu Giang trù phú. Việc sống ở hai vùng đất “nức tiếng”, có truyền thống thi ca ở ĐBSCL đã hình thành nên hồn thơ của chị. “Cái tôi” yêu đương trong thơ Kim Hương nhẹ nhàng, ý nhị nhưng cũng đầy nội lực được thể hiện qua hình thức hiện đại, bài thơ mang dáng dấp của một giai điệu tình tứ, đầy xúc cảm chờ đợi nỗi lòng của người đang yêu. Đó là niềm hạnh phúc, nỗi mong chờ khi bắt gặp những tín hiệu của đôi phương: “*Phố thị đang ngủ say/ Những âm thanh xanh như ngọc/ Từ tiếng đàn guitar bỗng trầm/ Mơn man cháy dài góc phố/ Buông lời giai điệu nhưng mềm*” (Phố đêm trở giấc); là niềm đau, sự trống trải khi tình yêu không được đáp đền: “*Giật mình ngỡ ngác/ Em trở giấc màn đêm tê buốt/ Phố thị vẫn lên đèn/ Khoảng trống em/ Đêm lớp lớp đổ vào sâu thẳm*” (Phố đêm trở giấc) hay: “*Anh có biết phương này mây âm đạm/ Trái cảnh buồn lòng càng hướng về nhau/ Sương nhẹ len thấm lạnh buốt hồn đau/ Nhớ anh nhiều, mơ vòng tay toả nắng*” (Vòng tay toả nắng). Với chất nữ tính, sự hiện đại pha lẫn nét truyền thống trong tình yêu, thơ Kim Hương đã rót vào lòng người đọc hạnh phúc và niềm đau, những được và mất của người phụ nữ.

Thơ của Mạc Tổ Hồng cũng đầy ấp hương vị ấy: “*Là em.../ chỉ là em...thăm mơ tưởng đơn phương/ Chỉ là em ủ mùa vào lá biếc/ chỉ là em.../ giây phút đầu tiên chạm vào tiếng sét.../ Coupe de fourde...ngọt ngào/ nỗi nhớ mộng mênh*” (Lời hẹn tháng ba, Mạc Tổ Hồng). Tình yêu đơn phương của buổi đầu gặp gỡ được gọi thức trong trái tim người con gái. Một cụm từ tiếng Pháp chen ngang, những ngọt ngào trong cách diễn ngôn về cảm xúc như “thăm mơ”, “ủ mùa”, “chạm”, “mộng mênh” dễ lấy được cảm xúc của độc giả. Điểm đặc sắc trong cách dùng từ của Mạc Tổ Hồng chính là những dấu chấm lửng đầy cảm xúc. Mạch thơ mà Mạc Tổ Hồng xây dựng bị giấu trong dấu chấm lửng đầy ẩn ý và dồn nén nhiều cung bậc cảm xúc: “*Ai gọi tháng ba về.../mang cái buồn không tên/ Thả vào nắng cơn màu sương bàng bạc/ Người ta...có hẹn hò đầu.../mà hôn mà mắt.../ Người ta...có về nữa đâu.../ mà đợi...mà chờ...*” (Tháng ba ơi, Mạc Tổ Hồng). Những lần ngắt ra trong nhịp thơ tạo nên sự ngập ngừng rất nữ tính. Lớn lên cùng thời với Mạc Tổ Hồng, Như Uyên, thơ tình của tác giả Trúc Linh Lan cũng chứa chan nhiều nỗi niềm của người phụ nữ. Nếu như tình yêu trong thơ Huệ Thi, Dương Trần, Nguyễn Thị Việt Hà, Phạm Thị Mỹ Thuận mãnh liệt, càn quét thì thơ tình Trúc Linh Lan lại sâu lắng và thiết tha. Trong khi “cái tôi” trong thơ tình Kim Hương, Huệ Thi ôm trọn nỗi đau, sự hụt hẫng trong tình yêu thì “cái tôi” trong thơ Trúc Linh Lan lại đối diện với nỗi nhớ, sự đổ vỡ bằng thái độ bình thản, xem đó như một kết quả tất yếu. Chẳng hạn: “*Sân ga nào vàng trắng khuyết treo nghiêng/ Em từ biệt, tiếng còi tàu nước nỡ/ Chiếc khăn tím, em mang theo nỗi nhớ/ Anh giữ lại lòng mùi thơm tóc thân quen*” (Hoài niệm khúc tình xưa), hay: “*Gốc mai đã trở nụ vàng/ Lời yêu đã hoá mây ngàn bay xa/ Tóc xanh năm tháng nhạt nhòa/ Ta làm kẻ đợi tình xa - quên về*” (Đợi tình). Đó là lối ứng xử nhân văn, nhân bản trong tình yêu.

“Cái tôi” với nỗi nhớ nhưng trong tình yêu lứa đôi trở thành một nét độc đáo trong thơ nữ ĐBSCL. Khi viết về tình yêu, các nhà thơ thường không thể bỏ qua một nét tâm trạng, cảm xúc rất đời thường trực, đó là nỗi nhớ. Trong văn chương nghệ thuật, thông qua nỗi nhớ, người đọc không chỉ thấy được sự chuyển biến tâm trạng, cảm xúc, chiều sâu tâm hồn mà còn nhận ra những nét đẹp trong phẩm chất của con người. Với các nhà thơ nữ ĐBSCL, khi viết về nỗi nhớ trong tình yêu, họ thường chọn lối nói bóng gió, gần gũi với cách thể hiện của nhân dân lao động trong ca dao, dân ca Nam Bộ hoặc gắn nỗi nhớ trong tình yêu với cảnh thiên nhiên sông nước, ruộng đồng. Nhiều bài thơ, thoát nhìn, ta cứ ngỡ đó

là nỗi nhớ tự nhiên, song đó lại là cách bày tỏ nỗi nhớ trong tình yêu đôi lứa. Điều đó được thể hiện khá rõ trong thơ Như Uyên. Đọc thơ chị, ta bắt gặp “cái tôi” chất chứa đầy những cảm xúc trong tình yêu, khái quát lên thành một nỗi nhớ nặng sâu và một khát khao trường tồn vĩnh cửu. Nỗi nhớ ấy gắn liền với “thuyền”, “bến” vốn là những hình ảnh gần gũi, thân thương của người miền Nam: “*Thuyền/ Bến/ Ta gặp nhau/ Ông tơ se mối chi/ Bến một đời chung thủy/ Buộc chặt thuyền/ Trăm năm*” (*Chuyện chính mình*, Như Uyên). Lấy cảm hứng từ con thuyền và bến đỗ thân quen của vùng sông nước, tác giả đã gửi gắm vào lời thơ ước mơ cháy bỏng cho một tình yêu mãi trường tồn cùng năm tháng. Cái vĩnh hằng của bến là “cái siêu tôi” chung thủy được lấy để buộc chặt con thuyền. “Cái tôi” của mình được lấy để gửi gắm lấy lời yêu là “trăm năm” cho trọn vẹn một kiếp người. Dầu biết lòng người dễ thay đổi, nhưng Như Uyên vẫn mãi mãi gửi gắm lời yêu trăm năm đầy ngọt ngào qua những vần thơ của mình. Khác với Như Uyên, “cái tôi” trong thơ Huệ Thi có phần sôi nổi, rạo rực hơn khi thể hiện nỗi nhớ trong tình yêu. Đó cũng chính là giọng thơ chủ lực trong thơ Huệ Thi - cây bút nữ đầy nhiệt huyết với phong cách thơ có sự hoà hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa tâm hồn con người xứ Quảng (quê hương, cội nguồn của chị) với sự chân chất, mộc mạc của con người miền Tây Nam Bộ (nơi chị sống, gắn bó và bước vào hành trình sáng tác văn chương): “*Ngày nào là ngày dài nhất/ Hồn là ngày em xa anh/ Trời vẫn xanh/ Gió vẫn lồng/ Trái tim chẳng hề trống rỗng/ Ngập bóng anh vẫn gào thét trong đêm đến vô cùng*” (Nhớ, Huệ Thi). Với động từ mạnh: “gào thét”, “cái tôi” người con gái đang yêu trong thơ Huệ Thi lộ rõ nỗi nhớ nhưng cháy bỏng, cùng những khát khao, mong ước thường tình của con người trong tình yêu. Đó là vẻ đẹp hiện đại của “cái tôi” gắn liền với nỗi nhớ trong thơ nữ ở ĐBSCL, bên cạnh cách thể hiện ý nhị, duyên dáng, nhẹ nhàng mang đậm chất truyền thống và tính sông nước.

Tiếng thơ của những người phụ nữ miền Tây Nam Bộ chân tình và dịu dàng như chính con người của họ. Chính “cái tôi” với nỗi nhớ thiết tha, sâu lắng; “cái tôi” với nỗi nhớ mãnh liệt, cồn cào,... các cây bút nữ ở ĐBSCL đã cất cao bài ca tình yêu lứa đôi trong văn chương đương đại. Qua đây, độc giả thấy được đời sống tâm hồn và những phẩm chất tốt đẹp, sự giao hoà nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại ở những con người sống quanh quẩn với dòng sông, ruộng đồng vùng châu thổ.

3.2.2. Cái tôi với tình yêu thiên nhiên tha thiết

Thiên nhiên tươi đẹp, sông nước phù sa, mây trời, ruộng vườn,... từ lâu đã trở thành những hình ảnh in sâu trong tâm thức của mỗi người. Nếu như mái đình, cổng làng, cây đa, bến nước, hoa gạo tháng ba, triền sông, những di tích văn hoá, lịch sử,... được xuất hiện dày đặc trong thơ của các tác giả ở đồng bằng sông Hồng; làng chài, biển, cát trắng, nắng vàng, tháp Chàm,... để lại nhiều ấn tượng trong thơ của các tác giả ở đồng bằng Duyên hải miền Trung thì sông nước, ghe xuồng, cầu tre, mái tranh, lục bình, điền điền, nước nổi,... trở thành những cảnh vật rất quen thuộc trong thơ ĐBSCL. Dù ít hay nhiều, hầu hết trong thơ của các cây bút nữ vùng đất này, những tín hiệu trên hiện hữu cùng với tình yêu thiên nhiên, yêu sông nước, ruộng đồng thiết tha, sâu lắng. Thơ ca ĐBSCL luôn mang đậm dấu ấn của cái tôi trữ tình với tình yêu thiên nhiên nồng nàn, da diết. Cái tôi trong thơ không chỉ là sự bộc lộ cảm xúc cá nhân mà còn hòa quyện với cảnh sắc sông nước, đồng ruộng, tạo nên một không gian thơ vừa bao la, vừa gần gũi. Thiên nhiên trong thơ ĐBSCL không chỉ là bức tranh phong cảnh mà còn phản ánh tâm hồn con người: mộc mạc, chân thành và gắn bó sâu sắc với quê hương. Sự giao thoa giữa cái tôi cá nhân và thiên nhiên ấy làm nên nét đặc trưng của thơ ca vùng sông nước, tạo nên sức hút riêng trong nền thơ đương đại Việt Nam.

Con người ĐBSCL sống gần gũi với ruộng đồng, những con kênh, con rạch, cây cỏ, mái tranh, vườn tược,... Những nhà thơ nữ ĐBSCL, dù mượn cảnh để nói lên cái tình thì thiên nhiên tươi đẹp dĩ nhiên trở thành một dấu ấn rất đậm nét. Cúc Hương (Nguyễn Ngọc Thúy) đã vẽ nên nỗi nhớ của mình bằng những bông hoa thật đẹp: “*Mùa xuân bất tận/ mỗi sáng mỗi chiều là mỗi bài thơ/ hoa muôn nơi/ hoa nở như mơ/ hồn lữ khách tình say/ sâu mộng*” (*Tôi sẽ nhớ*). Cả bài thơ ngập tràn trong ánh hoa rực rỡ, từ “hoa” được điệp lại nhiều lần trong nhiều cung bậc cảm xúc. Xuân về trong cái bất tận của vũ trụ và nữ sĩ cũng làm thơ trong cái bất tận của thời gian. “*Mỗi chiều là mỗi bài thơ*”, cảm hứng thơ được khơi nguồn từ hoa, từ chiều tà và từ sự vô biên của vũ trụ. Có thể nói, hồn thơ của tác giả này hoà hợp cùng vẻ đẹp của thế giới tự nhiên, ở đây là thế giới bình dị của miền Tây sông nước: “*Mai con về muôn sắc linh lung/ gió mới từ sông quê mát vòng tay mẹ/ buồng dừa xanh sau nhà cậu bé/ sẽ ngọt ngào thơm nôi thớt kho tàu/ Lặng thầm hương đưa từ những hoa cau...*” (*Mai con về*, Cúc Hương). Hàng loạt các từ ngữ khởi phát từ chốn thanh bình của quê hương miền Tây ủa vào cõi lòng của độc giả. “Gió” mát ngọt từ “sông quê”, “buồng dừa” trĩu nặng từ nhà

cậu, “nồi thịt kho tàu” với hương vị thân quen ngày Tết, “hoa cau” tỏa hương tràn vào tâm trí, ... đâu cũng đậm đà hồn quê sông nước. Có lẽ bức tranh quê nhà đã hằn in trong lòng những người con miền Tây dầu yêu.

Thiên nhiên không những len lỏi trong khúc nhạc lòng mà còn len lỏi trong cả những khoảnh khắc riêng tư nhất của tình yêu. Trong câu chuyện nhớ anh, nhớ mối tình đầu, Mạc Tổ Hồng đã viết: “*Xuôi sông Hậu theo người về Mỹ Khánh/ Chợ nổi lao xao... một sớm bình minh/ Vườn cây trái ngọt thơm – mùi đã chín/ Nồng nàn ơi! Ôi! Hương vị nghĩa tình!*” (Về với quê anh). Về với quê anh cũng là về với quê hương miền Tây xinh đẹp, hồn hậu, nghĩa tình. Thiên nhiên dường như là dấu ấn tâm thức sâu nặng nhất đối với người Nam Bộ dù ở trạng thái tình cảm nào. Trong niềm vui đoàn tụ hay nỗi buồn chia ly, thiên nhiên cũng là cái cớ để nữ tác giả thể hiện cái tình của mình: “*Em ở dòng trong/ Anh bên dòng đục/ Em lấy chồng/ Bên đục/ Bên trong?/ Một Hậu Giang trong đục hai dòng/ Long Trì, Xà Phiền con sông dài thao thức*” (Trong đục một dòng sông, Minh Nguyệt). “Cái tôi” của tác giả như nhập thân vào trong “cái tôi” của dòng sông, biến dòng sông thành dòng của nỗi nhớ khi chia xa người thương. Cái bình dị của người Nam Bộ phảng phất trong chính cách dùng từ của nữ sĩ khi mà lấy hiện tượng bên bồi, bên lở, bên đục, bên trong của con sông Hậu để viết về cái ngăn cách của chính cuộc tình mình: “*Chiều Tam Nông đàn sếu bay về/ Nắng hoàng hôn dát vàng lên châu thổ/ Em nín thở - tìm đập cùng nhịp cánh/ Sếu nhẹ nhàng bay... nhẹ nhàng bay...*” (Khi đàn sếu bay về, Nguyễn Ngọc Tuyết). Nữ thi sĩ sinh năm 1948, độ tuổi ngoài bảy mươi thì chất vị Nam Bộ càng đậm đà bởi thời gian sống và gắn bó với mảnh đất này đã đủ lâu, hồn của đất đã gắn chặt với hồn thơ của bà. Nhịp cánh của đàn sếu Tam Nông (Đồng Tháp) đã đập cùng nhịp đập của trái tim người con gái khi yêu. Các bài thơ của Nguyễn Ngọc Tuyết, bài nào cũng ngân vang giọng thơ đầy ắp cái đắm say của duyên quê miền Tây, từ *Hạt ngọc đen* cho đến *Một mình với bóng*, ... đâu đâu cũng là những cảnh thanh bình chốn quê hương.

Nỗi lòng nhớ quê gắn liền với nỗi lòng nhớ mẹ, nhà thơ Minh Nguyệt cũng viết: “*Và đêm nay từng cơn gió không lời/ Thổi se sắt vào lòng con nhớ mẹ/ Gió thổi qua miền đắng cay dâu bể/ Mưa nắng cuộc đời năm tháng có phai phai*” (Nhớ mẹ). Thiên nhiên là thế giới bao la để ngôn từ vịn vào đó mà cất lên những nỗi lòng khác. “Gió”, “đêm”, “miền dâu bể” là những hình ảnh quen thuộc khiến cho mỗi người có nhiều sự rung động - ở đây là nhịp thơ của nỗi nhớ mẹ già. Hình ảnh trong thơ của những nhà thơ

nữ, như có một sự dịu dàng nữ tính, gắn bó với mẹ, với những gì bình dị của quê hương trong tháng ngày còn ở bên mẹ: “*Cong cong từng cơn rạch/ Lắt lẻo nhịp cầu tre/ Mái chèo khua róc rách/ Mẹ về nón nghiêng che/ Dân quê lòng rộng mở/ Thật thà và thân thương/ Ai xa mà không nhớ/ Một Miền Tây quê hương*” (Miền Tây quê em, Yến Vân). Tuy là thể thơ ngũ ngôn, nhịp thơ có hơi vội nhưng Yến Vân - nhà thơ quê Bến Tre vẫn tạo nên sự lắng rất sâu trong từng hình ảnh mà chị gửi gắm. Những “đặc sản” của vùng xứ dừa được tinh chọn, những nhịp cầu tre, những điều chân chất đã tạo nên một bài thơ ca ngợi quê hương vô cùng đáng yêu và đậm đà “cái tôi” Nam Bộ.

Đến với thiên nhiên trong thơ nữ ĐBSCL là đến với thế giới đẹp đẽ, trác tuyệt, đậm đà phong vị sông nước. “Cái tôi” của những nhà thơ lắng trong chất vị của những biểu tượng thân quen nơi vùng đất chín rồng.

3.2.3. Cái tôi với những khát khao tính dục

Tính dục (Sexuality) thực chất là “một hiện tượng văn hoá” (chữ dùng của Trần Văn Toàn trong bài viết *Diễn ngôn về tính dục trong văn xuôi hư cấu Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945*). Bàn về vấn đề này, nhà nghiên cứu Foucault (1978) cho rằng: “*Không nên nghĩ về tính dục như một cái gì đó tồn tại khách quan mà quyền lực cố gắng để kiểm chế hoặc như một lĩnh vực mờ tối tri thức cố gắng để từng bước khám phá ra. Tính dục là một tạo tác mang tính lịch sử (Historical construct)*” (p.105). Với Foucault, rõ ràng, tính dục là cái được tạo ra bởi những diễn ngôn, con người có thể kiểm soát được nó cũng như kiểm soát được các hành vi tính giao của bản thân. Trong công trình *Phân tâm học nhập môn* (Nguyễn Xuân Hiến dịch), Freud (2018) cũng tỏ ra khó khăn trong quá trình định nghĩa “tính dục”, “tính dục” để đưa đến những quan niệm của riêng ông. Freud (2018) đã nỗ lực dẫn ra một loạt định nghĩa về tính dục của những đối tượng khác nhau, chẳng hạn: “*Người ta có thể cho rằng tất cả những gì có dính dáng đến sự khác biệt giữa giống đực và giống cái đều có tính cách tính dục*” (p.256). Tuy nhiên, có thể thấy định nghĩa như thế vừa rộng, vừa mơ hồ, vừa thiếu tính nhân văn. Freud cũng đã đặt ra một giả định về dục như là “*cách giao cấu*”, “*những cái gì dính dáng đến việc tìm khoái lạc bằng thân thể, nhất là bằng các cơ quan tình dục của người người khác phái, nghĩa là dính dáng đến việc giao hợp đều có tính cách tính dục*” (Freud, 2018, p.257). Một thời gian dài, quan điểm của Freud bị phản đối dữ dội. Khi đi sâu vào bên trong con người, Freud đặc biệt chú ý đến trạng thái dồn nén tính dục, phát hiện và lý giải khái niệm “libido” chính là xung

năng tính dục. Theo ông, việc con người đến với tính dục là cách để thoát khỏi sự cô đơn, bế tắc, lo âu, đồng thời tính dục cũng gắn liền với quá trình hình thành nhân cách của con người.

Nhắc đến tính cách con người vùng ĐBSCL, đặc biệt là người phụ nữ, người ta thường nghĩ đến sự tế nhị, duyên dáng, kín đáo, e ấp, đặc biệt là những người phụ nữ vẫn còn giữ trong mình dấu ấn truyền thống. Thế nhưng, không thể phủ nhận rằng, bên trong mỗi người phụ nữ đều có phần bản năng mà điển hình là bản năng tính dục, những khát khao tính dục, ẩn ức tính dục khi không thể được thỏa mãn xúc cảm ân ái. Những điều đó đã dẫn kéo người phụ nữ rơi vào trạng thái cô đơn, cảm thấy lạc lõng giữa cuộc đời, không niềm vui, không hạnh phúc trọn vẹn. Phân tâm học đã góp phần phát lộ ra cái bản năng tính dục của người phụ nữ, ngay cả khi họ bị kìm kẹp bởi những thiết chế đạo đức hay quan niệm cổ hủ về tính cách con người ở một vùng đất, một vùng văn hoá nào đó. Để không hiểu sai về vấn đề nhạy cảm trên, cũng phải khẳng định lại rằng, “tính dục” và “tình dục” là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau. Freud quan niệm, tính dục thuộc về bản năng con người, là nhu cầu tự nhiên, chính đáng và cần có. Từ góc nhìn tham chiếu phân tâm học, tính dục đã vượt qua ranh giới của sự tầm thường, thô tục, nó trở nên nhân văn, cao cả hơn. Đó cũng là điểm quy chiếu thơ nữ ĐBSCL, là tiền đề dẫn đến kết luận: khát khao tính dục của mỗi người phụ nữ là một lẽ thường tình.

Trong thơ nữ ĐBSCL từ năm 2000 đến nay, “cái tôi” với những khát khao tính dục xuất hiện khá phổ biến. Trong bài viết *Mỹ học tính dục và cuộc phiêu lưu giải phóng thiên tính nữ trong văn học nghệ thuật*, Tuan (2008) cho rằng: “Chúng ta đang sống trong thời đại mà văn học - nghệ thuật chịu ảnh hưởng đậm nét và được động khởi từ chất men của mỹ học tính dục nữ”. Quả thế, hơn hai mươi năm đầu thế kỷ XXI, nền văn học Việt Nam đã chứng kiến được sự táo bạo trong ngôn từ nghệ thuật thể hiện “cái tôi” khát khao tính dục của các cây bút nữ Việt Nam, tiêu biểu là: Vi Thuý Linh, Ly Hoàng Ly, Phan Huyền Thư, Khương Hà, Nguyễn Thị Thuý Hạnh, Trần Sa,... Trong đó, không thể không kể đến sự góp mặt của tiếng thơ phấp phồng khát khao tính dục của các cây bút nữ ĐBSCL. Ở đó, độc giả dễ dàng bắt gặp “cái tôi” đầy táo bạo, vượt khỏi những quan niệm, định kiến thông thường về một người phụ nữ.

Trong thơ nữ ĐBSCL, cái tôi tính dục được thể hiện một cách tinh tế, giàu nữ tính nhưng cũng đầy mạnh mẽ và bản lĩnh. Khác với sự kín đáo, ẩn dụ trong thơ truyền thống, các nhà thơ nữ vùng sông

nước đã dân bộc lộ khát khao yêu thương và cảm xúc cá nhân một cách chân thực, táo bạo nhưng vẫn giữ được sự duyên dáng, ý nhị. Hình ảnh thiên nhiên sông nước, cỏ cây thường được sử dụng như những ẩn dụ giàu sức gợi để diễn tả đam mê, khao khát hạnh phúc và quyền được yêu của người phụ nữ. Cái tôi tính dục trong thơ nữ miền Tây không chỉ là sự giải phóng cá nhân mà còn phản ánh tinh thần tự do, mạnh mẽ, hòa quyện với nét mộc mạc, chân chất của vùng đất này. Theo khảo sát, so với “cái tôi” dạt dào tình yêu đôi lứa, “cái tôi” với tình yêu thiên nhiên sông nước vùng thì “cái tôi” tính dục có phần yếu thế hơn. Điều này cũng dễ hiểu, bởi với các tác giả nữ, đặc biệt là người phụ nữ ĐBSCL, việc thể hiện vấn đề tính dục còn là điều khó khăn. Bởi lẽ, tính cách truyền thống của họ khá e dè, ngại ngùng, ý nhị.

Thơ - với người phụ nữ - là “phương tiện” để giải bày những ẩn ức, khát khao, ham muốn mà trong cuộc sống đời thường họ không được thỏa mãn hoặc chưa tìm được hạnh phúc trọn vẹn, đong đầy. Đọc thơ nữ ĐBSCL từ năm 2000 đến nay, có thể nhận ra “cái tôi” phụ nữ khát khao tính dục hiện ra với những cấp độ khác nhau. Có khi, những khao khát đó trôi dạt mạnh mẽ dưới vỏ bọc ngôn ngữ nhẹ nhàng, tinh tế, giàu sức gợi: “*Em nhớ bao đêm môi ẩm ngọt ngào/ Gió phía sông va vào vai lại buốt*”, “*Em nghe nhói đau đêm đêm từ phía ngực/ Thèm hơi anh, mơ khói thuốc mỏng tan dần*” (Ngược gió, Huệ Thi); “*Em từng đêm khao khát/ Ước chi anh là con sông hát/ Đổ vào đời em yêu thương*” (Ước gì, Trúc Linh Lan). Cũng có khi, những khát khao đó cháy bỏng, mãnh liệt, những ham muốn giải toả ẩn ức hiện ra trần trụi trên từng trang thơ: “*Vườn địa đàng huyền hoặc/ Ánh trắng cháy mềm miền cỏ xanh êm/ Ta trần trụi rót vào nhau/ Con khát/ Ngờ tình yêu trên môi kẹo ngọt/ Siết bóng thịt da khai sinh một tế bào*” (Con khát địa đàng, Huỳnh Thuý Kiều)...

“Cái tôi” người phụ nữ tự giải bày những khát khao tính dục trong thơ nữ ĐBSCL sau năm 2000 đậm tính thẩm mỹ và tính hình tượng. Nó không chỉ mở ra trước mắt người đọc vẻ đẹp thân thể của con người (đặc biệt là người phụ nữ), những bộ phận, mùi hương, sắc màu, hình dáng,... mà còn gợi liên tưởng đến những hành vi tính giao vốn là vấn đề nhạy cảm, tế nhị, nếu không khéo léo sẽ khiến lối diễn ngôn trở nên thô thiển, tầm thường. Hình ảnh bầu ngực căng tràn sức sống của người phụ nữ từng gợi cảm hứng cho Marilyn Yalom cấu thành công trình nghiên cứu mang tên *Lịch sử vú* với góc nhìn nữ quyền sâu sắc và táo bạo đã được các nhà thơ nữ ĐBSCL tái hiện sống động, gợi cảm mà cũng vô cùng ý nhị, duyên dáng trong thơ sau năm 2000 như

“vòm ngực ngoan hiền” (*Con khát địa đàng*, Huỳnh Thuý Kiều), “ngực non” (*Tỏ tình với biển*, Nguyễn Thị Thu Hà),... Những động từ như “rót” (*“Ta trần trụi rót vào nhau”* - *Con khát địa đàng*, Huỳnh Thuý Kiều), “siết” (*“Siết bông thịt da khai sinh một tế bào”* - *Con khát địa đàng*, Huỳnh Thuý Kiều; *“Người đàn bà, vẫn có thể ôm anh siết anh như dòng thác”* - *Người đàn bà và những ngón tay đan*, Siêu Thị Chiêu Linh; *“Siết chặt đôi vai đi tìm hơi ấm”* - *Không hề*, Nguyễn Thị Thu Hà),... cứ trở đi trở lại trong thơ của nhiều cây bút nữ ở ĐBSCL. Nó được thoát ra từ nỗi niềm của “cái tôi” nữ tính, khát khao được hoà hợp cùng người yêu, được thăng hoa trong cảm xúc. Đó là khát khao rất nhân văn và cao thượng, “rất đàn bà”, được trỗi dậy mãnh liệt trong tâm hồn mỗi người phụ nữ mà nếu chỉ nhìn từ phía ngoài không dễ gì nhận ra được. Khi viết về người phụ nữ với những nỗi đau dai dẳng, âm ỉ trong tình yêu, các nhà thơ nữ ĐBSCL thường đặt người phụ nữ vào không gian rộng lớn, mênh mông để lột tả trọn vẹn “cái tôi” cô đơn, lạc lõng, nhưng nhớ. Người phụ nữ vốn nhạy cảm, mang trong tim những khát vọng rất đẹp về một tình yêu bền chặt, muốn được cháy hết mình trong tình yêu. Bởi lẽ đó, sự tham lam, mong muốn được chiếm đoạt đối phương vốn là điều dễ hiểu: *“Em, người đàn bà/ đóng đánh nhất trần gian/ tham lam nhất trần gian/ muốn ghi siết cả ảo ảnh mây trời/ với trập trùng non cao núi biếc/ được neo giữ bằng sinh mệnh trái tim”* (*Anh mang cho em cả đại ngàn*, Bích Ngân). Khi rơi vào nghịch cảnh trở trêu, trái tim người phụ nữ mang những chấn thương từ mối tình không trọn vẹn, “cái tôi” nữ tính trong thơ thường rơi vào trạng thái hụt hẫng, đau đớn, xót xa. Cảm giác thiếu hụt tình cảm, không được thoả mãn ham muốn tính dục đã sinh thành những dồn nén. Thơ trở thành “cứ cánh” để nhà thơ bộc bạch, tự thú, thổ lộ “cái tôi” nữ tính. Hình ảnh người phụ nữ trong thơ Vũ Thiên Kiều thật tội nghiệp, phải sống trong cô đơn và khát khao vô vọng, chờ đợi mỗi mòn: *“một em thức/ lục đục dòng nóng hôi/ cúi gọi chày cả thẹn mắng hạt tiêu”* (*Búi chổi mắt anh*, Vũ Thiên Kiều). “Cúi” và “chày” vốn là những biểu tượng phồn thực trong văn chương nghệ thuật, xuất hiện trong thơ Vũ Thiên Kiều như một niềm ham muốn tế nhị nhưng rất đổi chân thành. “Cái tôi” đàn bà trong thơ Huệ Thi cũng bộc lộ cảm giác đau lòng, thiếu hụt và lạc lõng trong không gian đêm tối: *“Thế rồi ngày không chờ đã đến thật mau/ Chúng mình tự tay xoá từng ký ức/ Em nghe nhói đau đêm đêm từ phía ngực/ Thèm hơi anh, mơ khói thuốc mỏng tan dần”* (*Ngược gió*). “Cái tôi” ấy cũng xuất hiện trong thơ của Kim Hương qua câu thơ: *“trong căn phòng cô phụ đơn độc/ quạnh quẽ nhớ chồng xa!”* (*Giọt đông rơi*, Kim Hương). Những

khát khao được ái ân từ đó dâng lên trong trái tim người nữ, “cái tôi” muốn được đụng chạm xác thịt như một hành động cần thiết biểu lộ tình yêu say đắm thiết tha: *“Siết chặt đôi vai đi tìm hơi ấm/ Khúc nhạc đêm trắng hoà quyện/ Ứ ra giọt máu trinh nguyên...”* (*Không hề*, Nguyễn Thị Thu Hà); khát khao được tựa vào bờ vai của đối phương để tìm cảm giác ấm áp, an toàn: *“em rơi vào đầy đặn vai anh/ đồng hồ không kim tích tắc, thên thang”* (*Tháng tám xên xang*, Như Phương) hay *“Người đàn bà, vẫn có thể ôm anh siết anh như dòng thác/ Đổ cả một vùng cảm xúc lên môi”* (*Người đàn bà và những ngón tay đan*, Siêu Thị Chiêu Linh). Và cũng có khi, nỗi buồn đơn chiếc, sự hụt hẫng khi tình cảm không được đáp đền đã nảy sinh thành trạng thái đối hờn len lỏi trong “cái tôi” nữ giới nhạy cảm: *“Em buốt lạnh/ trên chiếc giường ấm êm/ và khước từ anh/ khước từ cả ái ân”* (*Nỗi đau không đến từ anh*, Bích Ngân).

Đều là những khát khao tính dục, mong ước được thoả mãn những vấn đề thuộc về bản năng, song “cái tôi” nữ giới trong từng trường hợp cụ thể lại không giống nhau. Soi chiếu từ góc độ phân tâm học, có thể thấy, qua thơ ca, “cái tôi” nữ giới đã bộc bạch, giải bày những khát khao “rất đàn bà của mình”. Nhìn chung, “cái tôi” khát khao tính dục trong thơ nữ ĐBSCL vừa nhẹ nhàng, tinh tế, vừa táo bạo, cá tính, vừa hiện đại mà cũng vừa truyền thống.

4. KẾT LUẬN

Trong thơ nữ ĐBSCL sau năm 2000, “cái tôi” nữ giới chan chứa tình yêu thiên nhiên, con người, tình yêu lứa đôi và phập phồng những khát khao thoả mãn nhu cầu bản năng được các cây bút nữ thể hiện bằng hệ thống ngôn ngữ đa dạng, phong phú. Cái tôi nữ tính đó vừa đậm tính truyền thống, mang màu sắc vùng miền sông nước Cửu Long, vừa hiện đại, táo bạo, mang tính cách tân độc đáo. Tiếp nối mạch nguồn thơ nữ đồng bằng thế kỷ XX, các cây bút nữ từ đầu thế kỷ XXI đến nay đã chuyển tải thành công hình ảnh người phụ nữ vào trang viết trong các mối quan hệ khác nhau, đồng thời khám phá bản thể nữ giới từ bên ngoài đến chiều sâu tâm hồn, những khát khao, ẩn ức bên trong.

Tuy không quá rầm rộ, song thơ nữ ĐBSCL từ năm 2000 đến nay là một dòng chảy khoẻ khoắn hoà nhập vào dòng chảy chung của văn học đương đại Việt Nam. Các tác giả nữ đương đại ở ĐBSCL đã góp phần làm cho diện mạo thơ nữ vùng châu thổ trở nên phong phú, rực rỡ, sinh động hơn. Đó cũng chính là tiền đề để văn học ĐBSCL vươn lên, sánh vai cùng văn học ở những vùng miền khác trên khắp đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Tuan, A. (2008). Sexual aesthetics and the adventure of liberating female divinity in literature and art. *Song Huong Magazine*, 236, 50-55 (in Vietnamese).
<http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c121/n1052/My-hoc-tinh-duc-va-cuoc-phieu-luu-giai-phong-thien-tinh-nu-trong-van-hoc-nghe-thuat.html>
- Ha, M. C. (2016). *Female Poetry of the Mekong Delta – Outstanding Characteristics*. Faculty of Social Sciences Education - Sai Gon University (in Vietnamese).
- <https://khoaspkhxx.sgu.edu.vn/blog/2023/05/02/tho-nu-dong-bang-song-cuu-long-sau-1975-nhung-dac-diem-noi-bat/>
- Freud, S. (2018). *Introductory Lectures on Psychoanalysis* (Translated by Nguyen Xuan Hieu). Literature Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).
- Foucault, M. (1978). *The History of Sexuality*- Vol.01. Pantheon Books Publishing House. New York.
- Luu, P. (2003). *Literary Theory* - Vol.03. Vietnam National University of Education. Hanoi (in Vietnamese).
- Mai, V. (2002). *Tuy Viên thi thoại* (translated by Trương Đình Chí). Art Publishing House. Ho Chi Minh City (in Vietnamese).
- Sen, V. H. (2012). *New Meals, Old Stories: Hàu Giang, Bà Thạc: Posthumous Manuscript*. Tre Publishing House. Ho Chi Minh City (in Vietnamese).